

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 290/2021/DS-ST

Ngày: 20/07/2021

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Huỳnh.

2. Bà: Trịnh Thị Oanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thúy Vỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:*
Bà Phạm Thị Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/07/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 14/2021/TLST- DS, ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2021/QĐXXST-DS, ngày 11/06/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 177/2021/QĐST – DS ngày 28 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M, L, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn A. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Đình B. Chức vụ: Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T1. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K phòng giao dịch E (Có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số: 408/UQ-NHNo-KP ngày 23/10/2020 của Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Ông Tạ Ngọc Th, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TQ, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn TQ, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020 và tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng và ông Tạ Ngọc Th ký kết hợp đồng tín dụng số 5203LAV201800604, theo đó ông Tạ Ngọc Th vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), đến ngày 12/02/2018 Ngân hàng tiến hành giải ngân và ông Th đã nhận đủ số tiền trên; Mục đích vay tiền dùng để chăm sóc cà phê, chăn nuôi heo, sửa nhà ở. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 15.75%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Tạ Ngọc Th đã thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số đất số 5203-200979003/HĐTC ngày 09 tháng 02 năm 2018 đã ký giữa Ngân hàng và ông Tạ Ngọc Th, tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192338 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2011 cho ông Tạ Ngọc Th thửa số: 340b tờ bản đồ số 44 diện tích đất 5.480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192349 do UBND huyện K cấp cho bà Đậu Thị T1 ngày 28/12/2011 thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Tạ Ngọc Th theo hồ sơ số 8203TA002 ngày 10/10/2016 thửa đất số 340a; tờ bản đồ: 44 diện tích đất 480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-200979003/HĐTC ngày 09 tháng 02 năm 2018 đã được công chứng tại văn phòng công chứng TN và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Từ khi vay đến nay ông Tạ Ngọc Th chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào và cũng không phối hợp để xử lý tài sản đảm bảo. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tiền vay gốc và khoản lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi suất chậm trả theo hợp đồng tín dụng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ.

Sau khi vợ chồng ông Th trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp nói trên cho vợ chồng ông Th. Trong trường hợp ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án tuyên quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 15/03/2021, bị đơn ông Tạ Ngọc Th thừa nhận ngày 09 tháng 02 năm 2018 ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K phòng giao dịch E để vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Về ngày giải ngân, thời hạn, phương thức, lãi suất và tài sản thế chấp đúng như ngân hàng đã trình bày. Khi ký kết hợp đồng vay vốn của Ngân hàng thì chỉ một mình ông Th tham gia ký kết. Tuy nhiên, vợ ông là bà Trần Thị L đã có văn bản ngày 09/02/2018 ủy quyền cho ông Th thay mặt bà thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch tài sản đảm bảo tiền vay nói trên. Theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì đã quá hạn từ ngày 13/2/2019, nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến nay vợ chồng ông chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Nguyên vọng của ông Th là xin Ngân hàng cho thêm thời gian để làm ăn trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tạ Ngọc Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 và điểm b, khoản 2, Điều 227 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS; Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp ông Th, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Sau khi bị đơn, người liên quan đã trả hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Tạ Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 463 BLDS năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện, bị đơn ông Tạ Ngọc Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, đang cư trú tại Thôn TQ,

xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tạ Ngọc Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L liên đới trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Tạ Ngọc Th có vay Ngân hàng N số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là có thật được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 5203LAV201800604, ngày 09/02/2018 và cũng được ông Tạ Ngọc Th thừa nhận tại bản tự khai ngày 15/3/2021. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Hiện nay, đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên cần buộc ông Tạ Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến khi trả nợ xong, là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 15.75%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: Từ ngày 13/02/2018 (ngày tiếp theo liền kề của ngày Ngân hàng giải ngân) đến ngày 12/02/2019 là: $365 \text{ ngày} \times 400.000.000đ \times 10.5\% : 42.000.000đ$.

Lãi suất quá hạn: Từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/7/2021 là: $889 \text{ ngày} \times 400.000.000đ \times 15,75\% : 365 \text{ ngày} = 153.443.836đ$.

Lãi suất chậm trả: Từ ngày 13/02/2019 đến ngày 20/7/2021 là: $889 \text{ ngày} \times 42.000.000đ \times 10\% : 365 \text{ ngày} = 10.229.589 đ$.

Tổng số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 205.673.425đ (Hai trăm lẻ năm triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 21/07/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 15,75%/năm.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Trần Thị L: Xét thấy, bà Trần Thị L và ông Tạ Ngọc Th là vợ chồng, mặc dù bà L không trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng trước khi ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn ngân hàng, bà Trần Thị L đã ký hợp đồng ủy quyền cho ông Tạ Ngọc Th được quyền thay mặt và nhân danh mình ký kết hợp đồng thế chấp, các hợp đồng tín dụng để vay vốn tại các Ngân hàng. Mặt khác, tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và ông Tạ Ngọc Th đã ký kết thể hiện mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình, sửa nhà ở, chăn nuôi heo. Vì vậy, căn cứ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Tạ Ngọc Th trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm khoản vay thì ông Tạ Ngọc Th đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 5203-200979003/HĐTC ngày 09 tháng 02 năm 2018 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được UBND huyện K cấp cho ông Tạ Ngọc Th ngày 28/12/2011 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192338 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được UBND huyện Krông Pắc cấp cho bà Đậu Thị T1 ngày 28/12/2011 thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Tạ Ngọc Th theo hồ sơ số 8203TA002 ngày 10/10/2016 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192349. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5203-200979003/HĐTC ngày 09 tháng 02 năm 2018 đã được công chứng tại văn phòng

công chứng TN thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đã được đăng kí thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai huyện K ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức theo quy định. Vì vậy việc thế chấp trên của các bên đương sự là hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 317, 318, 323 của Bộ luật dân sự, trường hợp ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Sau khi ông Th, bà L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông Tạ Ngọc Th theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH - 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông bà thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí theo quy định. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 13.035.000đ (Mười ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0017772 ngày 12/01/2021.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 317, 318, 323; Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 605.673.425đ (Sáu trăm lẻ năm triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó tiền vay gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi là 205.673.425đ (Hai trăm lẻ năm triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 21/07/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 15,75%/năm.

Sau khi ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Tạ Ngọc Th tài sản đã thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192338 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2011 cho ông Tạ Ngọc Th thửa số: 340b tờ bản đồ số 44 diện tích đất 5.480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192349 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho bà Đậu Thị T1 ngày 28/12/2011 thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Tạ Ngọc Th theo hồ sơ số 8203TA002 ngày 10/10/2016 thửa đất số 340a; tờ bản đồ: 44 diện tích đất 480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Bản chính).

Trường hợp ông Tạ Ngọc Th, bà Trần Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192338 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2011 cho ông Tạ Ngọc Th thửa số: 340b tờ bản đồ số 44 diện tích đất 5.480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 192349 do UBND huyện K cấp cho bà Đậu Thị T1 ngày 28/12/2011 thay đổi cơ sở pháp lý tặng cho ông Tạ Ngọc Th theo hồ sơ số 8203TA002 ngày 10/10/2016 thửa đất số 340a; tờ bản đồ: 44 diện tích đất 480m². Địa chỉ thửa đất: xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Ông Tạ Ngọc Th và bà Trần Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 13.035.000đ (Mười ba triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0017772 ngày 12/01/2021.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Tạ Ngọc Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long